



BẢO GIÁ KHỚP NỐI MỀM/MANCHON GANG CẦU- HIỆU ATK DÙNG CHO ỐNG PVC/GANG/THÉP

Áp dụng từ 01/12/2025 cho đến khi có thông báo mới

Kính gửi: Quý khách hàng

Chúng tôi xin được báo giá sản phẩm Khớp nối mềm như sau:

STT	Kích thước (DN- mm)	Lắp ống HDPE	Bu lông Mạ kẽm nhúng nóng 8.8		Bu lông gang cầu/Inox 304	
			Hình ảnh	Đơn giá chưa VAT	Hình ảnh	Đơn giá chưa VAT
1	DN 50	HDPE 63; PVC 60; Thép 60		414.000		488.000
2	DN 65	HDPE 75; PVC 75; Thép 76		488.000		535.000
3	DN 80	HDPE 90; PVC 90; Gang 98; Thép 89		652.000		744.000
4	DN 100	HDPE 110; PVC 114; Gang 118; Thép 114		831.000		913.000
5	DN 125	HDPE 125; PVC 125		992.000		1.024.000
6	DN 140	HDPE 140; PVC 140; Gang 144; Thép 141		1.037.000		1.144.000
7	DN 150	HDPE 160; PVC 168; Gang 170; Thép 167		1.369.000		1.400.000
8	DN 180	HDPE 180; PVC 180		1.450.000		1.569.000
9	DN 200	HDPE 200 ; PVC 200		1.925.000		1.990.000
10	DN 225	HDPE 225; PVC 220; Gang 222; Thép 219		1.857.000		2.031.000
11	DN 250	HDPE 250; PVC 250		2.615.000		2.726.000
12	DN 280	HDPE 280; PVC 280; Gang 274; Thép 273		2.892.000		3.261.000
13	DN 300	HDPE 315 ; PVC 315; Gang 326; Thép 325		3.519.000		3.616.000
14	DN 350	HDPE 350 ; PVC 350; Thép 355		4.866.000		5.449.000
15	DN 400	HDPE 400 ; PVC 400; Gang 429; Thép 406		5.691.000		6.233.000
16	DN 450	HDPE 450 ; PVC 450; Thép 457		7.029.000		8.024.000
17	DN 500	HDPE 500 ; PVC 500; Thép 508		9.133.000		11.459.000
18	DN560	HDPE 560		11.155.000		13.475.000
19	DN600	HDPE 630 ; PVC 630; Gang 635; Thép 610		14.226.000		14.976.000
20	DN 50	HDPE 63; PVC 60; Thép 60		468.000		615.000
21	DN 65	HDPE 75; PVC 75; Thép 76		523.000		738.000
22	DN 80	HDPE 90; PVC 90; Gang 98; Thép 89		818.000		923.000
23	DN 100	HDPE 110; PVC 114; Gang 118; Thép 114		1.034.000		1.144.000
24	DN 125	HDPE 125; PVC 125		1.163.000		1.286.000
25	DN 140	HDPE 140; PVC 140; Gang 144; Thép 141		1.365.000		1.427.000
26	DN 150	HDPE 160; PVC 168; Gang 170; Thép 167		1.625.000		1.686.000
27	DN 180	HDPE 180; PVC 180		1.841.000		1.903.000
28	DN 200	HDPE 200 ; PVC 200		2.215.000		2.344.000
29	DN 225	HDPE 225; PVC 220; Gang 222; Thép 219		2.244.000		2.372.000
30	DN 250	HDPE 250; PVC 250		3.434.000		3.627.000
31	DN 280	HDPE 280; PVC 280; Gang 274; Thép 273		3.414.000		3.631.000
32	DN 300	HDPE 315 ; PVC 315; Gang 326; Thép 325		4.135.000		4.329.000
33	DN 350	HDPE 350 ; PVC 350; Thép 355		5.357.000		5.845.000
34	DN 400	HDPE 400 ; PVC 400; Gang 429; Thép 406		7.850.000		8.089.000
35	DN 450	HDPE 450 ; PVC 450; Thép 457		9.143.000		9.442.000
36	DN 500	HDPE 500 ; PVC 500; Thép 508		10.585.000		10.884.000
37	DN560	HDPE 560		13.594.000		13.893.000
38	DN 600	HDPE 630 ; PVC 630; Gang 635; Thép 610		15.420.000		15.604.000

****Giá trên là giá chưa có VAT 10%***

Đặc tính kỹ thuật:

- Sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 2531 : 2009
- Mối nối kiểu cơ khí -MJ và mặt bích
- Sơn Epoxy màu xanh trong và ngoài
- Giaoăng cao su EPDM

- Vật liệu gang cầu FCD 450
- Bu lông và đai ốc mạ kẽm, inox hoặc gang cầu
- Quản lý theo hệ thống chất lượng ISO 9001-2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & SẢN XUẤT HCL